

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
T PHỐ HẢI PHÒNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, T PHỐ HẢI PHÒNG

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn M Hằng.

Bà Dương Thị Hồng Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, T phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, T phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST- HNGĐ ngày 29/5/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Đinh Thị M, sinh năm 1980; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3/1/717 đường Đ, H 4, phường Đ 2, quận H, T phố H; Nơi ở hiện nay: Số 9/25B/192 đường H, tổ 6, phường Đ, quận H, T phố H. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 3/1/717 đường Đ, H 4, phường Đ 2, quận H, T phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Đinh Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào tháng 11/2002, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hải, huyện A (nay là phường Đ 2, quận H), T phố H. Trong quá trình chung sống, vợ

chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một thời gian, đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh T rượu chè, cờ bạc, có quan hệ với người phụ nữ khác về đánh đập, chửi bới chị, đập phá đồ đạc trong nhà, bỏ bê con cái, không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai con là Nguyễn T T, sinh ngày 19/8/2003 và Nguyễn Đ, sinh ngày 31/01/2009. Hiện tại anh T đang nuôi dưỡng con Nguyễn T T, chị đang nuôi con Nguyễn Đức V. Chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con Nguyễn T T, chị có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Đức V. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Nguyễn Văn T vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn đã không chấp hành quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị M và anh Nguyễn M T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng khoản 1, Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đinh Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chị Đinh Thị M và anh Nguyễn M T có hai con là Nguyễn T T, sinh ngày 19/8/2003 và Nguyễn Đức V, sinh ngày 31/01/2009, hiện con Nguyễn T T đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, con Nguyễn Đức V đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng vẫn ổn định về mọi mặt, nguyện vọng của con Nguyễn T T muốn ở với bố, nguyện vọng của con Nguyễn Đức V muốn ở với mẹ nên áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho anh T được trực tiếp nuôi con Nguyễn T T, giao cho chị M trực tiếp nuôi con Nguyễn Đức V. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên kiểm sát viên không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T vẫn đang sinh sống, cư trú tại Số 3/1/717 đường Đ, tổ dân phố H 4, phường Đ 2, quận H, T phố H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, T phố H theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2, Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét chị Đinh Thị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A (nay là phường Đ 2, quận H), T phố H vào tháng 11/2002. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh T là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác M tại địa phương, trên cơ sở ý kiến của tổ dân phố, lời khai của mẹ đẻ chị M đều có quan điểm cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay rượu chè, cờ bạc, ngoại tình về anh T chửi bới chị M. Sự việc đã xảy ra từ năm 2010, qua rất nhiều lần gia đình hòa giải, tuy nhiên tình cảm vợ chồng không thể cải thiện, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 và không còn quan tâm đến nhau. Mặt khác, việc anh T không đến Tòa án thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật của anh T, cũng như việc anh không tha thiết níu kéo hạnh phúc gia đình. Việc anh không đồng ý ly hôn chỉ kéo dài sự ràng buộc không cần thiết. Mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã kéo dài trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy cần chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của chị M, cho chị M được ly hôn anh T theo các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con là Nguyễn T T, sinh ngày 19/8/2003 và Nguyễn Đức V, sinh ngày 31/01/2009. Con Nguyễn T T có nguyện vọng được ở cùng bố, con Nguyễn Đức V có nguyện vọng được ở cùng mẹ và chị M đồng ý để anh T nuôi dưỡng con Nguyễn T T. Mặc dù anh T không có quan điểm nhưng xét nguyện vọng của con chung là Nguyễn T Thái muốn được ở cùng bố và trên thực tế cháu Thái cũng đang sinh sống ổn định cùng anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét giao con Nguyễn T Thái cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Đức V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cũng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Đinh Thị M không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 4, Điều 147; điểm a,b khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228; điểm a,b khoản 1, Điều 238 và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 3; điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn T T, sinh ngày 19/8/2003. Giao cho chị Đinh Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Đức V, sinh ngày 31/01/2009 đến khi cháu T, cháu V đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu: AA/2014 số 0005422 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, T phố H. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn M Hằng Dương Thị Hồng Vân

Nguyễn Ngọc Cường

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**

Đỗ Đức Hoàng

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn M Hằng Dương Thị Hồng Vân

Nguyễn Ngọc Cường

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Hoàng

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 2;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Hoàng